TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày: 26/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Rạng – Cán bộ nghỉ hưu thị trấn L.

Bà Nguyễn Thị Thủy – Giáo viên Trường tiểu học xã N.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Văn T - Sinh ngày 25/02/2001 tại Nam Định;

Nơi cư trú: xóm 6, xã N, huyện NT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1976; con bà Ngô Thị M, sinh năm 1977, cả hai đều làm ruộng tại xóm 6, xã N, huyện NT, tỉnh Nam Định; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Vũ Văn T bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Nghĩa Hưng cho đến nay; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Ngô Thị M, sinh năm 1977;
Nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện NT, tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Đội 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 30/10/2017, tại khu vực cây xăng dầu M, thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, Công an huyện N phát hiện bắt quả tang Vũ Văn T đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Vũ Văn Tr. Thu giữ của Tr 01 gói nhỏ, vỏ gói là ni lông màu trắng, bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M1), Tr khai nhận đó là 01 gói ma túy đá Tr vừa mua của T với giá 550.000 đồng (trong đó Tr trả công cho T 50.000 đồng); 01 cóng thủy tinh màu trắng dài khoảng 5cm, tất cả được đựng trong vỏ bao thuốc là Thăng Long. Thu giữ của Vũ Văn T số tiền 50.000 đồng, T khai nhận là tiền công đi mua hộ gói ma túy đá cho Tr mà có; 01 điện thoại di động Nokia màu đen lắp sim số 0969.578.782 đã qua sử dụng. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn T tại xóm 6, xã N, huyện NT, tỉnh Nam Định không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Tại bản Kết luận giám định số 843/GĐKTHS ngày 31/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại ma túy: Methamphetamine, Trọng lượng (khối lượng) M1 là 0,231 gam.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện N, Vũ Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai nhận: Khoảng 17 giờ, ngày 30/10/2017, T đang ở nhà thì Tr gọi điện thoại cho T nhờ mua hộ 500.000 đồng tiền ma túy đá và hứa trả công cho T 50.000 đồng, T đồng ý. T đi nhờ xe của người đi đường xuống chỗ hẹn là khu vực cây xăng dầu M, thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định gặp Tr, Tr đưa cho T 550.000 đồng. T cầm tiền và đi nhờ xe người đi đường lên khu vực ngã tư đường S2, thành phố Nam Định mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. Sau đó, T quay về nhà lấy một cóng thủy tinh màu trắng dài khoảng 5cm,(dụng cụ sử dụng ma túy đá), cùng gói ma túy đá vừa mua, đựng vào trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T quay lại chỗ hẹn đưa ma túy cho Tr, Tr vừa cầm gói ma túy đá thì bị bắt quả tang.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh

và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Vũ Văn T từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 27 (Hai mươi bảy) tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử lý vật chứng; đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị; bị cáo còn ở độ tuổi vị thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, khai báo thành khẩn, đã ăn năn hối lỗi, mặt khác ông bà nội, ngoại của bị cáo đều là người có công với nhà nước đã được tặng thưởng huân huy chương. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo bà Ngô Thị M trình bày: Gia đình cũng có thiếu sót trong việc quản lý giáo dục bị cáo. Nay bà cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm: Không nhất trí với quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 với lý do ông bà nội, ngoại bị cáo được tặng thưởng huân huy chương của người bào chữa cho bị cáo vì theo quy định tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã quy định rõ chỉ có Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc.... thì mới được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Tuy Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao không quy định ông, bà nội, ngoại được tặng thưởng huân huy chương thì được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng theo Nghị quyết cũng có quy định ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo T.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bào chữa cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 30/10/2017, tại khu vực cây xăng dầu M, thôn H, xã N, huyện N, Vũ Văn T đã có hành vi bán trái phép 0,231 gam Methamphetamine cho Vũ Văn Tr với giá 550.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Khoản 1 Điều 194: Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý quy định:*"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".* Do vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xem xét với tội danh và điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc. Hành vi của bị cáo đã gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, trước đó chưa có vi phạm pháp

luật. Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 vì ông bà nội, ngoại của bị cáo là người có công với nước đã được tặng thưởng huân huy chương, Hội đồng xét xử thấy: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã quy định rõ chỉ có "Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc.... ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án" thì mới được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy đối với tình tiết là người có công với nước Nghị quyết đã hướng dẫn rất cụ thể trong đó không có quy định "ông, bà nội ngoại được tặng thưởng huân huy chương thì bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự", còn đối với các tình tiết khác cũng có thể coi là tình tiết giảm nhẹ trong vụ án này bị cáo không là lao động chính trong gia đình, bị cáo cũng không phải đang phải nuôi dưỡng người không còn khả năng lao động... Do vậy đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị cáo là người chưa thành niên nên phải áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội tại chương X Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét và lượng hình.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 cóng thủy tinh màu trắng dài khoảng 5cm; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 0,205 gam Methamphetamine cùng vỏ gói mà phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định, cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với số tiền 50.000 đồng thu giữ của Vũ Văn T, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 điện thoại Nokia màu đen lắp sim số 0969.578.782 đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Văn T, cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

- Đối với Vũ Văn Tr đã có hành vi đi mua ma túy đá của Vũ Văn T về để sử dụng, nhưng số lượng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vũ Văn Tr là phù hợp.

- Đối với người đàn ông bán ma túy đá cho Vũ Văn T ngày 30/10/2017, hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra xử lý.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 41; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1]. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý";

[2]. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2017.

[3] – Tịch thu tiêu huỷ: 0,205 gam Methamphetamine cùng vỏ gói mà phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định; 01 cóng thủy tinh màu trắng dài khoảng 5cm; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 50.000 đồng và tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen lắp sim số 0969.578.782 đã qua sử dụng đều thu giữ của Vũ Văn T.

Vật chứng của vụ án đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/11/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[4]. Buộc bị cáo Vũ văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo. Báo cho những người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- UBND xã N huyện NT;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương